

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số 89/2023/DS-PT
Ngày 05/12/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đinh Thị Như Phượng.

2. Ông Lê Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Ông L có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Nh: Bà Võ Thị T; địa chỉ số B đường Võ Mười, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền số 26, quyền số 01/2023 SCT/CK, CD ngày 04/12/2023 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Huy)(Bà T có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph; địa chỉ: Thôn Mỹ Thạch C, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tô Quan B; địa chỉ: Thôn Mỹ Thạch C, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà Ph: Ông Đinh Viết D; địa chỉ: Tổ D, phường Hội Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 26/5/2023)(Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Trần Đức L, bà Phạm Thị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Ph có quan hệ mua bán hàng hoá là bán tiêu và cà phê từ năm 2015. Sau khi làm ăn, bà Ph có vay của ông L, bà Nh số tiền 350.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 30/3/2017 bà Ph vay 100.000.000 đồng.

Ngày 10/4/2017 bà Ph vay 100.000.000 đồng.

Ngày 14/4/2017 bà Ph vay 100.000.000 đồng.

Ngày 07/5/2017 bà Ph vay 50.000.000 đồng.

Khi vay, hai bên không thoả thuận thời hạn trả nợ, không thoả thuận lãi suất và lập hợp đồng bằng giấy viết tay. Ông L, bà Nh đã nhiều lần yêu cầu bà Ph trả nợ nhưng không có kết quả. Đến ngày 14/4/2022, nguyên đơn có gửi thông báo yêu cầu trả nợ qua đường bưu điện cho bà Ph, ông B và ấn định thời hạn trả nợ là 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nhưng ông bà vẫn không trả. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Ph, ông B phải trả 350.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày:

Bà Ph đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc vay tiền của ông L, bà Nh như phía nguyên đơn trình bày. Nhưng theo giấy “Thanh toán với Ph nợ cô Nh” thì phía bị đơn cho rằng chỉ còn nợ bà Nh 30.000.000 đồng, vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do đã trả hết toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn, cụ thể:

Ngày 15/4/2017 trả 100.000.000 đồng

Ngày 23/6/2017 trả 40.000.000đ đồng;

Ngày 27/12/2017 trả 100.000.000 đồng

Ngày 13/01/2018 trả 100.000.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến là ông Đinh Viết D trình bày: Ông đồng ý với những lời khai của bị đơn và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh số tiền gốc 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh về việc buộc bà Nguyễn Thị Ph và ông Tô Quan B phải trả số tiền 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng tiền gốc).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của phía nguyên đơn ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh đòi bà Nguyễn Thị Ph và ông Tô Quan B trả toàn bộ số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là ngày 29/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2023).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Buộc bị đơn phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2023, nguyên đơn là ông Trần Đức L, bà Phạm Thị Nh kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là số tiền nợ tiền hàng mua bán cà phê và tiêu mà bị đơn đã nợ từ trước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng bởi tính đến ngày 01/7/2017, bà Nh và bà Ph đã chốt nợ, sau đó bà Ph đã trả nợ cho bà Nh 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo đề ngày 10/9/2023 của ông Trần Đức L, bà Phạm Thị Nh trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện: Vợ chồng ông Trần Đức L, bà Phạm Thị Nh và bà Nguyễn Thị Ph có quan hệ mua bán hàng hóa gồm tiêu, cà phê; trong năm 2017, bà Nh có cho bà Ph vay tiền thành nhiều lần, cụ thể: Ngày 30/3/2017 vay 100.000.000 đồng, ngày 10/4/2017 vay 100.000.000 đồng, ngày 14/4/2017 vay 100.000.000 đồng và ngày 07/5/2017 vay 50.000.000 đồng; tổng cộng các lần vay là 350.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà Ph đều ký xác nhận số tiền vay của bà Nh, đồng thời trong quá trình tham gia tố tụng bà Ph cũng thừa nhận số tiền vay của bà Nh. Như vậy, có căn cứ xác định bà Ph đã vay tiền của bà Nh nhiều lần, tổng cộng các lần vay là 350.000.000 đồng là đúng sự thật.

[2.2] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng số tiền 340.000.000 đồng mà bị đơn đã trả trước đây cho nguyên đơn là số tiền hai bên mua bán cà phê và tiêu chứ không phải khoản tiền vay. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại văn bản có tiêu đề “*Thanh toán với Ph nợ cô Nh*” (Bút lục số 85) do bị đơn cung cấp cho Tòa án có thể hiện nội dung: “*Còn Ph nợ tính từ ngày 01/7/2017 = 300.000.000*”. Như vậy, chứng cứ này thể hiện khoản nợ mà bà Ph còn nợ bà Nh được chốt nợ vào ngày 01/7/2017 với số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng. Trong khi bị đơn đã trả cho nguyên đơn ngày 27/12/2017 trả 100.000.000 đồng và ngày 13/01/2018 trả 100.000.000 đồng, vì vậy, số tiền bà Ph còn phải trả cho ông L, bà Nh là 300.000.000 đồng – 200.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cũng cần quyết định lại cho đúng với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; còn phần án phí phúc thẩm ông L, bà Nh không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 148, 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho nguyên đơn là ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh về việc buộc bà Nguyễn Thị Ph và ông Tô Quan B phải trả số tiền 150.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của phía nguyên đơn ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh đòi bà Nguyễn Thị Ph và ông Tô Quan B trả toàn bộ số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là ngày 29/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2023).

2. Án phí dân sự sơ, phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Đức L và bà Phạm Thị Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông L, bà Nh 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003030 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn

